

Bản án số: 87/2018/HSPT
Ngày 20-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai phúc thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 54/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh;

**** Bị cáo kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; sinh ngày 11/7/1992 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn T**; sinh ngày 28/9/1984 tại thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khối 03, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; có vợ: Nguyễn Thị Bạch X, sinh năm 1985 và hai con đưa lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện

pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**; sinh ngày 26/10/1992 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 và bà Đường Thị L, sinh năm 1957; có vợ: Võ Thị H, sinh năm 1995 và hai người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/5/2010 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong quyết định; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến ngày 09/02/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Trần Văn H**; sinh ngày 06/8/1988 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1963 và bà Nghiêm Thị B, sinh năm 1964; có vợ: Đào Thị Y, sinh năm 1988 và hai người con, đứa lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án về tội đánh bạc (ngày 29/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc, đến ngày 15/6/2017 chấp hành xong hình phạt); nhân thân: Ngày 07/6/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp tài sản, ngày 25/10/2006 chấp hành xong bản án; ngày 13/7/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 6.000.000 đồng về tội đánh bạc, ngày 01/11/2011 chấp hành xong bản án; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam về hành vi phạm tội khác; có mặt.

* *Bị cáo không kháng cáo (đều vắng mặt)*: Đậu Quang Đ, Trần Văn T, Nguyễn Quốc S, Nguyễn Bảo V, Thái Hồng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2017, Nguyễn Xuân T rủ Trần Văn H tổ chức đánh bạc, H đồng ý và đã gọi điện cho Thái Hồng S để thuê nhà với giá 500.000đ/ngày. T đã bỏ ra số tiền 55.000.000 đồng để làm chi phí và cho vay trong quá trình tổ chức đánh bạc. Sau khi được S đồng ý, H và T trao đổi, thống nhất việc ép tiền lẻ (loại 2.000 đồng và 5.000 đồng), để quy đổi tiền có giá trị lớn nhằm thuận tiện cho việc quản lý, cho vay và sử dụng đánh bạc. Ngày 20/11/2017, T đi xuống thị xã H (không xác định được địa chỉ cụ thể) ép plastic 400 tờ tiền có mệnh giá nhỏ gồm: 300 tờ tiền loại 2.000 đồng, 100 tờ tiền loại 5.000 đồng rồi thuê Nguyễn Bảo V giúp mình tổ chức đánh bạc, với tiền công mỗi ngày 200.000 đồng. T đưa cho V 400 tờ tiền ép plastic

nói trên và dặn V “*khi nào anh gọi thì mang theo*”, còn H mua 10 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc võ chăn để sẵn tại nhà Thái Hồng S phục vụ việc đánh bạc.

Khoảng 13 giờ ngày 01/12/2017, H đến nhà S và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Trần Văn T, Đậu Quang Đ, Nguyễn Quốc S cùng đến nhà S để đánh bạc, rồi trải võ chăn lên chiếc chiếu đã có sẵn ở sàn nhà và lấy bài tú lơ khơ đặt trên võ chăn. T gọi điện thoại bảo V mang theo 400 tờ tiền ép plastic (trị giá 1.100.000 đồng) đến nhà S để phục vụ đánh bạc, còn T đi huyện V, S đi thành phố H. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ, T, H, S đến nhà S để cùng đánh bạc. Sau khi được H thông báo việc quy đổi tiền thực tế lấy tiền ép plastic để sử dụng đánh bạc, với tỷ lệ quy đổi gấp 100 lần (*loại 2.000 đồng, 5.000 đồng ép tiền plastic tương ứng 200.000 đồng và 500.000 đồng số tiền thực tế sử dụng đánh bạc*). Lúc này, Đ đổi cho H 15.000.000 đồng để lấy 150.000 đồng tiền ép plastic, T đổi cho H 10.000.000 đồng, để lấy 100.000 đồng tiền ép plastic. H vay H 100.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 10.000.000 đồng, S vay H 100.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 10.000.000 đồng. Sau khi đổi tiền xong, H quy định hình thức đánh bài “liêng” với cách đánh như sau: Bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mỗi người chơi được chia ba quân bài, sau đó so sánh bài để biết thắng thua theo thứ tự từ cao đến thấp gồm: Ba quân bài cùng hàng (Sáp), ba quân bài có thứ tự liền nhau (Liêng), ba quân bài có hình người (Ký hiệu từ J đến K) và cuối cùng là cộng điểm lại. Người thắng được nhận toàn bộ số tiền của những người đã đặt cược và chia ván bài tiếp theo. Trước khi đánh, mỗi người chơi phải đặt cược 2.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 200.000 đồng (gọi là tiền dâm) và người chơi chỉ được phạt tối đa hai lần, mỗi lần không quá 20.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 2.000.000 đồng. Nếu ván bài nào, người chơi phạt đến 2.000.000 đồng thì H hoặc V bốc tiền “hò” với số tiền 2.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 200.000 đồng. Đ, T, H và S cùng nhau đánh bạc được khoảng 30 phút thì Trần Văn T đến và vay H 100.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 10.000.000 đồng, rồi tham gia đánh bạc cùng với bốn người nói trên. Quá trình đánh bạc, Đ, T mỗi người vay thêm 100.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 10.000.000 đồng, T vay thêm 150.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 15.000.000 đồng, còn H vay thêm 180.000 đồng tiền ép plastic tương ứng 18.000.000 đồng. Quá trình đánh bạc thắng, nên H đã trả được cho H số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền đổi hoặc vay của những người đánh bạc được H, V ghi vào một cuốn sổ (do T lấy tại nhà S) để theo dõi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T quay lại nhà S thì H giao sổ lại cho V ghi chép và bốc tiền hò, rồi ra về trước. Sau khi H về, S cũng nghỉ chơi đi về nhà. Còn Đ, T, T và H tiếp tục đánh bạc cho đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 82.965.000 đồng tiền mặt, trong đó: 67.160.000 đồng của Nguyễn Xuân T (65.000.000 đồng thu giữ trong túi xách, 2.160.000 đồng thu giữ trong ví da), 2.820.000 đồng của Đậu Quang Đ, 1.260.000 đồng của Nguyễn Văn H, 6.000.000 đồng của Trần Văn T, 1.040.000 đồng của Trần Văn T, 835.000 đồng của Nguyễn Bảo V, 800.000 đồng của Trần Văn N và 3.050.000 đồng của Nguyễn Văn L.

Quá trình điều tra, xác định được đến thời điểm bị bắt quả tang Nguyễn Quốc S thắng 6.800.000 đồng, còn các bị cáo khác, do bất ngờ nên không xác định được tiền thắng thua. Đối với tiền bốc hồ, do bị bắt quả tang nên V đã vứt toàn bộ vào thùng giấy đựng tiền ép plastic, nên không xác định được số tiền này. S cũng chưa nhận được tiền cho thuê nhà.

Ngoài ra, quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Trần Văn H và Nguyễn Bảo V còn khai nhận, từ ngày 21/11/2017 đến ngày 24/11/2017 đã cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc tại nhà Thái Hồng S bốn lần, thu lợi 12.000.000 đồng (chưa xác định được người tham gia đánh bạc), đã trả cho S 3.500.000 đồng tiền thuê nhà. Số tiền còn lại T cất giữ 8.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Đậu Quang Đ, Trần Văn T và Nguyễn Quốc S phạm tội “Đánh bạc”; Nguyễn Xuân T, Trần Văn H, Nguyễn Bảo V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Thái Hồng S phạm tội “Gá bạc”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đối với Nguyễn Văn H và Trần Văn T. Bị cáo T áp dụng thêm Điểm q Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Nguyễn Văn H 33 (Ba mươi ba) tháng tù; xử phạt Trần Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Mỗi bị cáo được trừ thời gian 07 ngày đã bị tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017 vào thời gian chấp hành án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đối với Đậu Quang Đ, Trần Văn T và Nguyễn Quốc S. Bị cáo Đ và T áp dụng thêm Điểm q Khoản 1 Điều 46, bị cáo Đ áp dụng thêm Điểm s Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Đậu Quang Đ và Trần Văn T mỗi người 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách mỗi bị cáo là 5 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt Nguyễn Quốc S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đối với Nguyễn Xuân T và Trần Văn H. Bị cáo H áp dụng thêm Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Nguyễn Xuân T 14 (Mười bốn) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến ngày 09/02/2018 vào thời gian chấp hành án, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Xử phạt Trần Văn H mức án 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 đối với Nguyễn Bảo V và Thái Hồng S: Xử phạt Thái Hồng S mức án 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai

mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Xử phạt Nguyễn Bảo V 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Giao Đâu Quang Đ, Trần Văn T, Nguyễn Quốc S, Thái Hồng S cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Khoản 3 Điều 248, Khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T, Trần Văn H, Thái Hồng S, Đâu Quang Đ, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Quốc S mỗi người số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà Nước.

Ngoài ra, án còn tuyên án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo

Không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần hình phạt, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T, Trần Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án và nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T, Trần Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục luật định, đều hợp pháp.

[2] Về việc bị cáo Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 20/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXPT-HS, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bị cáo đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Phiên tòa ngày 20/7/2018 theo Thông báo về việc mở phiên tòa hình sự phúc thẩm số 23/2018/TBPT-HS, Tòa án triệu tập bị cáo lần thứ hai nhưng bị cáo tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản xác minh ngày 19/7/2018 của Công an thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, nơi bị

cáo cư trú: Bị cáo Trần Văn T hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, gia đình bị cáo cũng không có ai có mặt tại địa phương. Căn cứ quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xét thấy sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T, Trần Văn H:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không oan sai. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện sức khỏe bình thường, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý. Do đó, phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm đã thực hiện.

Về tính chất hành vi phạm tội, đây là vụ án có nhiều bị cáo, trong đó có người tổ chức đánh bạc, người gá bạc, người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng trên địa bàn.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS, có bố là thương binh hạng 2/4, mẹ bị tàn tật phải hưởng trợ cấp hàng tháng quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tình tiết mới: Có xác nhận của Công an huyện N về việc giúp đỡ cơ quan công an trong việc điều tra tội phạm, xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, đã tự nguyện nộp tiền phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm điều tra, phát hiện tội phạm” và các tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/5/2010 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong quyết định năm 2010. Đối với hành vi tổ chức đánh bạc, bị cáo là người khởi xướng, giữ vai trò chính, chuẩn bị địa điểm, tiền ép plastic, bút, sổ ghi chép và số tiền 55.000.000 đồng phục vụ tổ chức đánh bạc nên dù xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng vẫn phải cách ly bị cáo một thời gian mới đủ nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3.2] Bị cáo Nguyễn Văn H có các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng: thành khẩn khai báo, có bố và ông bà nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình được tình tiết mới: có xác nhận của Công an huyện Đ về việc giúp đỡ cơ quan công an trong việc điều tra, phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; tự nguyện nộp tiền phạt và án phí chứng tỏ ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo cho bị cáo cơ hội sớm trở về chuộc lại lỗi lầm của mình, giúp ích cho gia đình, xã hội.

[3.3] Bị cáo Trần Văn T đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, có ông nội và bác ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba và bác ruột là liệt sỹ, bà nội là dân công hỏa tuyến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần nhắc tính chất vai trò trong vụ án cần giảm nhẹ một phần cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3.4] Bị cáo Trần Văn H thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Tuy nhiên, bị cáo đang có 01 tiền án ngày 29/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 15/6/2017 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu đã bị xét xử về tội Đánh bạc vào năm 2011 và tội Cướp tài sản vào năm 2004. Hiện tại bị cáo đang bị khởi tố về một tội phạm mới đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H.

[4] Về án phí, các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T phạm tội “Đánh bạc”; Nguyễn Xuân T, Trần Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Trần Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017.

Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Điểm p, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 : Xử phạt Nguyễn Xuân T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt Trần Văn H 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng Khoản 3 Điều 248, Khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T, Trần Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Văn H mỗi người số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà Nước. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân T đã nộp đủ tiền phạt.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 23/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA,CA,VKS,THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu: HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Đào